

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBN21BAP**

Năm học: **21-22**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04289**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBN0337	Trần Tấn An	/ /1983	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
2	21BTBN0338	Nguyễn Trương Gia Bảo	21/05/2006	4	8	4	8	8	7	7	7	0.0	0.0	2.7
3	21BTBN0339	Nguyễn Văn Chanh	10/08/2006	7	5	8	4	7	9	6	6	5.0		5.7
4	21BTBN0340	Mai Thị Diệu Dâng	28/07/2006	3	5	8	7	3	5	9	9	0.0	0.0	2.5
5	21BTBN0341	Trương Thành Đạt	07/07/2005	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
6	21BTBN0342	Đoàn Thị Kim Khánh	20/07/2006	10	10	10	10	8	10	10	10	0.0	5.0	6.9
7	21BTBN0343	Trần Quốc Khánh	21/11/2006	5	4	9	5	3	5	8	8	6.0		6.0
8	21BTBN0344	Nguyễn Yến Khoa	05/09/2006	7	3	8	9	10	7	8	8	0.0	0.0	3.1
9	21BTBN0345	Lê Thị Trúc Linh	17/01/2006	3	3	3	5	4	8	4	8	0.0	0.0	2.1
10	21BTBN0346	Trần Thanh Nhiên	10/09/2006	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
11	21BTBN0347	Nguyễn Văn Nhịn	05/06/2006	10	4	9	10	10	10	9	9	5.8		7.1
12	21BTBN0348	Nguyễn Thị Huỳnh Như	26/09/2006	5	8	5	7	10	9	8	9	5.0		6.2
13	21BTBN0349	Huỳnh Tấn Nhựt	11/07/2004	6	4	9	4	8	8	9	9	6.0		6.6
14	21BTBN0350	Huỳnh Thị Mỹ Quỳnh	24/06/2006	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
15	21BTBN0351	Trần Nhật Tân	25/06/2005	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
16	21BTBN0352	La Thành Toàn	29/10/2006	3	2	3	6	10	6	6	6	0.0	5.0	5.3
17	21BTBN0353	Trương Ngọc Trân	11/06/2006	3	4	5	8	6	6	7	7	0.0	5.0	5.4
18	21BTBN0354	Mã Thiện Vi	29/09/2006	8	7	9	9	10	9	9	8	0.0	0.0	3.5
19	21BTBN0355	Trần Thị Tường Vi	12/05/2006	8	5	6	9	10	7	8	9	0.0	0.0	3.2
20	21BTBN0356	Trần Thị Kim Xuyên	21/10/2004	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	0.0
21	21BTBN0357	Huỳnh Thị Ngọc Yến	10/11/2006	10	10	10	10	10	10	9	6	0.0	0.0	3.7

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Phương Thảo